

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

Số: 47 /KL-TTr

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, lĩnh vực bảo hiểm thất nghiệp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lai Châu

Thực hiện Quyết định số 76/QĐ-TTr ngày 23/02/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực người lao động nước ngoài (sau đây viết tắt là NLĐNN) làm việc tại Việt Nam, lĩnh vực bảo hiểm thất nghiệp (sau đây viết tắt là BHTN) tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lai Châu (sau đây gọi là Sở); từ ngày 05/3/2024 đến ngày 18/3/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Sở.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 25/3/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Thông tin về địa phương

- Lai Châu là tỉnh miền núi phía Bắc gồm 8 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 7 huyện), 106 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: 54 xã đặc biệt khó khăn, 22 xã biên giới.

- Lai Châu có diện tích 9.059 km², địa hình phức tạp, mạng lưới giao thông đi lại khó khăn làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc tiếp cận thông tin về thị trường lao động, thông tin về chính sách BHTN.

- Lực lượng lao động toàn tỉnh là 311.357 người (chiếm 63,5% dân số); tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 58,3% lực lượng lao động.

2. Thông tin về Sở LĐTBXH tỉnh Lai Châu

- Cơ cấu tổ chức: Sở là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (sau đây viết tắt là UBND tỉnh) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: lao động, tiền lương và việc làm trong khu vực doanh nghiệp; giáo dục nghề nghiệp; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bảo trợ xã hội; trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Lai Châu). Sở có Ban Giám đốc, 03 phòng chuyên môn, Văn phòng, Thanh tra Sở.

- Phòng Quản lý lao động - Giáo dục nghề nghiệp là phòng chuyên môn thuộc Sở có chức năng tham mưu giúp Lãnh đạo Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam và BHTN.

h

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam, BHTN

1.1. Công tác tham mưu, ban hành văn bản và hướng dẫn cơ quan, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về NLĐNN làm việc tại Việt Nam, lĩnh vực BHTN tại địa phương

- Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy định tổ chức thực hiện pháp luật về NLĐNN làm việc tại Việt Nam, BHTN tại địa phương, cụ thể:

+ Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

+ Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở.

- Sở đã ban hành Văn bản số 183/SLĐT BXH-QLLĐ-GDNN ngày 31/01/2024 về việc triển khai thực hiện chính sách BHTN.

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam và BHTN

- Sở đã tuyên truyền phổ biến pháp luật về BHTN cho các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Phối hợp với Báo Lao động - Xã hội xây dựng 01 phóng sự giới thiệu chính sách về BHTN.

+ Phát 6.000 tờ rơi tuyên truyền thực hiện chính sách về việc làm, BHTN theo quy định của pháp luật.

+ In, treo 35 băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền về chính sách việc làm, BHTN trên địa bàn thành phố Lai Châu.

+ Tổ chức 01 cuộc tuyên truyền về chính sách việc làm, BHTN cho 62 người lao động và người sử dụng lao động trên địa bàn huyện Nậm Nhùn.

+ Tổ chức 04 lớp tập huấn về kỹ năng tư vấn trong hoạt động dịch vụ việc làm cho đội ngũ cán bộ làm công tác BHTN với 65 lượt người tham gia.

- Sở chưa thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn về lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam.

1.3. Công tác phối hợp giữa Sở LĐTBXH tỉnh Lai Châu với các Sở, ngành có liên quan trong việc thực hiện chế độ, chính sách BHTN, quản lý NLĐNN làm việc tại địa phương

- Đối với lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam, công tác phối hợp giữa Sở với các Sở, ngành thực hiện theo Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy chế phối hợp trong

công tác quản lý xuất, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Đối với lĩnh vực BHTN, Sở đã phối hợp với cơ quan BHXH trong việc thực hiện các chính sách BHTN (ngày 12/5/2014, ký Quy chế phối hợp số 341/LN-LĐTBOXH-NHNN-BHXH giữa Sở - Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước - BHXH tỉnh Lai Châu về việc thực hiện trích từ tài khoản tiền gửi của người sử dụng lao động để nộp tiền bảo hiểm xã hội chưa đóng, chậm đóng và tiền lãi phát sinh).

1.4. Công tác quản lý NLĐNN

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 04/3/2024, UBND tỉnh Lai Châu đã chấp thuận cho 16 doanh nghiệp được sử dụng lao động là người nước ngoài; thực hiện cấp 38 giấy phép lao động (sau đây viết tắt là GPLĐ) cho NLĐNN, 09 người gia hạn GPLĐ, 01 người được xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ.

Việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ đối với NLĐNN làm việc tại tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ và Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP. Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành bộ thủ tục hành chính về quản lý NLĐNN làm việc tại Việt Nam, các hồ sơ về cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ đối với NLĐNN làm việc tại tỉnh được thực hiện qua Trung tâm hành chính công của tỉnh.

1.5. Việc lập sổ theo dõi về NLĐNN làm việc tại địa phương

Sở đã lập sổ theo dõi NLĐNN làm việc tại địa phương theo biểu mẫu số 14/PLI ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ, công tác cập nhật thông tin về NLĐNN được thực hiện đầy đủ đến hết tháng 02/2024.

1.6. Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về BHTN, NLĐNN làm việc tại địa phương với UBND tỉnh, Bộ LĐTBXH

+ Sở đã thực hiện báo cáo định kỳ về việc quản lý nhà nước đối với lĩnh vực BHTN, NLĐNN tại địa phương về UBND tỉnh, Bộ LĐTBXH theo quy định, cụ thể:

+ Báo cáo số 1230/BC-SLĐTBXH ngày 25/7/2023 về tình hình thực hiện BHTN 6 tháng đầu năm 2023 của tỉnh Lai Châu.

+ Báo cáo số 116/BC-SLĐTBXH ngày 19/01/2024 về tình hình thực hiện BHTN năm 2023 của tỉnh Lai Châu.

+ Báo cáo số 1128/BC-SLĐTBXH ngày 11/7/2023 về tình hình NLĐNN làm việc tại tỉnh Lai Châu 6 tháng đầu năm 2023.

+ Báo cáo số 81/BC-SLĐTBXH ngày 15/01/2024 về tình hình NLĐNN làm việc tại tỉnh Lai Châu năm 2023.

Ngoài ra, Sở đã thực hiện báo cáo đột xuất về BHTN, NLĐNN làm việc tại địa bàn tỉnh khi có yêu cầu.

2. Việc thực hiện các chế độ về BHTN

2.1. Chế độ hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm

- Số lượt người lao động được tư vấn, giới thiệu việc làm: 11.524 lượt người.
- Số người lao động được giới thiệu việc làm: 93 người.
- Số người lao động 02 lần từ chối việc làm do Trung tâm Dịch vụ việc làm giới thiệu: 0 người.

2.2. Chế độ trợ cấp thất nghiệp (sau đây viết tắt là TCTN)

2.2.1. Kết quả giải quyết

- Số hồ sơ đề nghị hưởng TCTN đã tiếp nhận: 1.671 hồ sơ.
- + Số hồ sơ đã được giải quyết: 1.545 hồ sơ;
- + Số hồ sơ đã tiếp nhận đang trong thời hạn giải quyết: 115 hồ sơ;
- + Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 09 hồ sơ, lý do: người lao động có việc làm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đề nghị hưởng TCTN hoặc chưa đóng đủ BHTN 12 tháng trong vòng 24 tháng.
- Số người được hưởng TCTN: 1.545 người/số tiền: 15.000.744.141 đồng, cụ thể:

+ Năm 2023: 1.115 người/12.621.636.468 đồng.

+ Năm 2024 (đến ngày 29/02/2024): 430 người/2.379.107.673 đồng.

- Số người tạm dừng hưởng: 01 người/số tiền: 5.152.420 đồng.

- Số người chấm dứt hưởng: 44 người/số tiền: 493.637.216 đồng.

- Số người chưa nhận tiền TCTN: 0 người.

- Số người chuyển hưởng đi nơi khác: 05 người.

- Số người chuyển đến hưởng tại địa phương: 13 người.

- Kiểm tra 100 hồ sơ hưởng TCTN, 01 hồ sơ tạm dừng hưởng TCTN, 44 hồ sơ chấm dứt hưởng TCTN, 05 hồ sơ chuyển hưởng đi, 13 hồ sơ chuyển hưởng đến cho thấy:

+ Có 100 phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm lưu tại hồ sơ hưởng TCTN chưa thực hiện đúng theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH (Phụ lục số 01).

+ Có 10 phiếu giới thiệu việc làm lưu tại hồ sơ hưởng TCTN chưa thực hiện đúng theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH (Phụ lục số 02).

+ Phiếu lưu hẹn trả kết quả của ông Lương Tiến Dũng (số sổ BHXH: 1220438341) tại hồ sơ đề nghị không hưởng TCTN không có xác nhận ngày người lao động nhận đủ hồ sơ và ký nhận kết quả.

+ Có 05 phiếu hẹn trả kết quả lưu tại hồ sơ hưởng TCTN không đúng Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ (bà Lê Hải Anh, số sổ BHXH: 6602511059; bà Tao Thị Giót, số sổ BHXH: 1220054426; ông Lò Văn Bun, số sổ BHXH: 1220379974; bà Vàng Thị Xê, số sổ BHXH: 1220234745; bà Tần Thị Nèo, số sổ BHXH: 2520696033).

2.2.2. Thu hồi TCTN hưởng sai quy định

- Công tác chủ trì/phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan để tổ chức thu hồi tiền: khi phát hiện người lao động hưởng TCTN sai quy định, Sở ban hành quyết định thu hồi, Trung tâm Dịch vụ việc đôn đốc người lao động hoàn trả số tiền TCTN hưởng sai quy định. Trường hợp người lao động không hợp tác, Trung tâm Dịch vụ việc thành lập tổ công tác triển khai thu hồi (đã thành lập 02 tổ công tác thu hồi tại huyện Phong Thổ và huyện Than Uyên, đã thu hồi được số tiền là 11.017.000 đồng).

- Số người hưởng TCTN sai quy định lũy kế đến thời điểm thanh tra là 13 người với số tiền phải thu hồi là 41.615.940 đồng; đã thu hồi được 12 người người với số tiền phải thu hồi là 39.453.780 đồng; còn phải thu hồi tiền TCTN của ông Lê Đức Ngọc, số sổ BHXH: 1213002633, số tiền 2.162.160 đồng.

2.3. *Chế độ hỗ trợ học nghề*: không phát sinh.

2.4. *Chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động*: không phát sinh.

3. Việc thực hiện pháp luật về NLĐNN làm việc tại Việt Nam

3.1. *Công tác chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN làm việc tại địa phương*

- Việc chấp thuận nhu cầu/thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN đối với từng vị trí công việc:

+ Năm 2023, Sở tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN đối với 13 đơn vị sử dụng lao động, với 61 vị trí (36 vị trí công việc là chuyên gia, 25 vị trí công việc là lao động kỹ thuật); số vị trí công việc không chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài: không.

+ Năm 2024 (đến ngày 04/3/2024), Sở tiếp nhận, ban hành văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN đối với 03 đơn vị sử dụng lao động, với 16 vị trí là chuyên gia; số vị trí công việc không chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài: không.

- Kiểm tra hồ sơ cấp GPLĐ lưu tại Sở nhận thấy:

+ Có 02 đơn vị sử dụng lao động nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN về Sở từ sau ngày 18/9/2023, thuộc thẩm quyền chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN của Sở nhưng Sở đã tham mưu trình UBND tỉnh Lai Châu ký, ban hành văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN là không đúng quy định (Công ty TNHH Baby Star gửi Văn bản số 10/CV-DP ngày 24/10/2023 và Công ty TNHH Dược phẩm số 10 gửi văn bản ngày 22/9/2023 về việc giải trình

sử dụng NLĐNN, UBND tỉnh Lai Châu ban hành Văn bản số 4177/UBND-VX ngày 01/11/2023 về việc chấp thuận sử dụng NLĐNN đối với Công ty TNHH Baby Star và Văn bản số 3834/UBND-VX ngày 06/10/2023 về việc chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN Công ty TNHH Dược phẩm số 10).

+ Chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN đối với Công ty TNHH Tư vấn giáo dục và đào tạo HEC (Văn bản chấp thuận số 273/SLĐTBXH-QLLĐ-GDNN ngày 28/02/2024) chưa đảm bảo quy định: không có cơ sở xác định vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được, đơn vị sử dụng lao động không thực hiện thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng NLĐNN được thực hiện trên Cổng thông tin điện tử của Bộ LĐTBXH hoặc Cổng thông tin điện tử của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Lai Châu.

+ Có 10 văn bản do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và 03 văn bản do Sở ban hành chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN không xác định ngày dự kiến NLĐNN bắt đầu làm việc (*Phụ lục số 03*).

- Việc đề nghị các cơ quan, tổ chức giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức ở địa phương khác để giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu: không phát sinh.

- Việc xem xét, quyết định việc nhà thầu được tuyển NLĐNN vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam: không phát sinh.

- Việc kiểm tra tình hình thực hiện các quy định của pháp luật đối với NLĐNN thuộc các gói thầu do nhà thầu trúng thầu trên địa bàn thực hiện: không phát sinh.

3.2. NLĐNN làm việc tại Việt Nam không thuộc diện cấp GPLĐ

3.2.1. Xác nhận NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ

- Số hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ: 01 hồ sơ.

- Số người được xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ: 01 người.

- Số người không được xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ: 0 người.

- Kiểm tra hồ sơ xác nhận NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ đối với lao động THOMAS HUY DANG (số hộ chiếu 673710501, hình thức làm việc: tình nguyện viên, vị trí công việc: tình nguyện viên, thời hạn từ 01/8/2023 đến ngày 30/6/2024) không có giấy tờ để chứng minh NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ (giấy tờ chứng minh làm việc để thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam).

3.2.2. Trường hợp không phải làm thủ tục xác nhận NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ

- Số NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ, không phải làm thủ tục xác nhận NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ nhưng phải báo cáo với Sở: 73 người.

- Số NLĐNN đúng đối tượng: 73 người (NLĐNN làm việc tại Việt Nam dưới 30 ngày).

- Số NLĐNN không đúng đối tượng: 0 người.

3.3. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ

3.3.1. Cấp GPLĐ

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 46 hồ sơ.

- Số người đã được cấp GPLĐ: 38 người.

- Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 08 hồ sơ, lý do (Phụ lục số 04).

- Số hồ sơ đã tiếp nhận đang trong thời hạn giải quyết: 0 hồ sơ.

- Kiểm tra hồ sơ cấp GPLĐ, kết quả như sau:

+ Phiếu lý lịch tư pháp được cấp quá 06 tháng kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ nhưng Sở vẫn tiếp nhận và cấp GPLĐ cho người lao động DAI GUANG YOU, số hộ chiếu EC7849327, quốc tịch: Trung Quốc (Công văn số 60/CV-TPLC ngày 20/12/2022 về việc đề nghị cấp GPLĐ, Phiếu lý lịch tư pháp được cấp ngày 24/12/2021).

+ Có 05 GPLĐ có chức danh công việc ghi tại GPLĐ không đúng với chức danh công việc được chấp thuận (Phụ lục số 05).

+ Có 20 hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ gửi đến Sở chưa đảm bảo trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày NLĐNN dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam là không đúng quy định (Phụ lục số 06).

- Có 17 NLĐNN được cấp GPLĐ, hình thức làm việc là thực hiện hợp đồng lao động; đã ký hợp đồng lao động từ đủ 03 tháng sau khi được cấp GPLĐ và gửi hợp đồng lao động đến Sở (Phụ lục số 07).

3.3.2. Cấp lại GPLĐ: không phát sinh

3.3.3. Gia hạn GPLĐ

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 11 hồ sơ.

- Số người đã được cấp gia hạn GPLĐ: 09 người.

- Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 02 hồ sơ, lý do: GPLĐ đã được gia hạn một lần.

- Số hồ sơ đã tiếp nhận đang trong thời hạn giải quyết: 0 hồ sơ.

- Số hồ sơ quá thời hạn giải quyết, lý do: 0 hồ sơ.

3.3.4. Số GPLĐ bị thu hồi

- Số GPLĐ thuộc trường hợp thu hồi trong thời kỳ thanh tra, trong đó:

+ Số GPLĐ hết hiệu lực: chưa quản lý và theo dõi đầy đủ các trường hợp GPLĐ hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ.

+ Số GPLĐ bị thu hồi theo khoản 2 và 3 Điều 20 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ: không.

- Số GPLĐ đã thu hồi: 02 GPLĐ (người sử dụng lao động đã thu hồi và nộp về Sở khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn).

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHTN, NLĐNN làm việc tại Việt Nam

4.1. Công tác thanh tra

- Số cuộc thanh tra đã tiến hành/số cuộc theo kế hoạch: trong thời kỳ thanh tra, Sở không tiến hành thanh tra việc chấp hành pháp luật về BHTN, NLĐNN làm việc tại Việt Nam.

- Số cuộc thanh tra đột xuất: không.

- Số sai phạm đã kiến nghị: không.

- Tình hình thực hiện kiến nghị sau thanh tra: không.

4.2. Công tác kiểm tra

- Số cuộc kiểm tra đã tiến hành/số cuộc theo kế hoạch: 04/04 cuộc kiểm tra về lĩnh vực BHTN.

- Số cuộc kiểm tra đột xuất: không.

- Số sai phạm đã phát hiện: 01 sai phạm.

- Số sai phạm đã kiến nghị: 01 sai phạm.

- Tình hình thực hiện kiến nghị sau kiểm tra: đã thực hiện 01 kiến nghị.

4.3. Công tác xử lý vi phạm về BHTN và NLĐNN làm việc tại địa phương

- Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính/số tiền xử phạt về BHTN, NLĐNN làm việc tại địa phương: không.

- Tình hình thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả: không phát sinh.

4.4. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHTN và NLĐNN làm việc tại địa phương

Số đơn nhận được trong thời kỳ thanh tra: không phát sinh.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam, BHTN đã được Sở thực hiện

1.1. Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản quy định tổ chức thực hiện pháp luật về NLĐNN làm việc tại Việt Nam, trực tiếp ban hành văn bản triển khai chính sách BHTN tại địa phương.

1.2. Đã thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về BHTN cho các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

1.3. Đã lập sổ theo dõi về NLĐNN làm việc tại địa phương và cập nhật thông tin về NLĐNN.

1.4. Đã thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về BHTN, NLĐNN làm việc tại địa phương với UBND tỉnh, Bộ LĐTBXH theo quy định.

1.5. Đã thực hiện các chế độ về BHTN: tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động thất nghiệp, giải quyết chế độ TCTN cho người lao động.

1.6. Đã tiếp nhận giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN làm việc tại địa phương của người sử dụng lao động.

1.7. Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản về việc chấp thuận, không chấp thuận nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN làm việc tại địa phương.

1.8. Đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp mới, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ của các đơn vị sử dụng lao động và tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ theo quy định.

2. Những quy định của pháp luật về lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam và BHTN chưa được Sở thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Sở chưa thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn về lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam tại địa phương theo quy định tại khoản 6 Điều 30 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ.

2.2. Có 100 phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm lưu tại hồ sơ hưởng TCTN chưa thực hiện theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH (*Phụ lục số 01*).

2.3. Có 10 phiếu giới thiệu việc làm lưu tại hồ sơ hưởng TCTN chưa thực hiện đúng theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH (*Phụ lục số 02*).

2.4. Phiếu hẹn trả kết quả của ông Lương Tiến Dũng (số sổ BHXH: 1220438341) lưu tại hồ sơ đề nghị không hưởng TCTN không có xác nhận ngày người lao động nhận đủ hồ sơ và ký nhận kết quả theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

2.5. Có 05 phiếu hẹn trả kết quả lưu tại hồ sơ hưởng TCTN không đúng Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ (bà Lê Hải Anh, số sổ BHXH: 6602511059; bà Tao Thị Giót, số sổ BHXH: 1220054426; ông Lò Văn Bun, số sổ BHXH: 1220379974; bà Vàng Thị Xê, số sổ BHXH: 1220234745; bà Tần Thị Nèo, số sổ BHXH: 2520696033).

2.6. Ông Lê Đức Ngọc, số sổ BHXH: 1213002633 hưởng TCTN sai quy định, số tiền phải thu hồi là 2.162.160 đồng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.

2.7. Có 02 đơn vị sử dụng lao động nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN về Sở từ sau ngày 18/9/2023, thuộc thẩm quyền chấp thuận

nhu cầu sử dụng NLĐNN của Sở nhưng Sở đã tham mưu trình UBND tỉnh Lai Châu ký, ban hành văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

2.8. Chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN đối với Công TNHH Tư vấn giáo dục và đào tạo HEC (Văn bản chấp thuận số 273/SLĐTBXH-QLLĐ-GDNN ngày 28/02/2024) chưa đảm bảo quy định: không có cơ sở xác định vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được, đơn vị sử dụng lao động không thực hiện thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng NLĐNN được thực hiện trên Cổng thông tin điện tử của Bộ LĐTĐBXH hoặc Cổng thông tin điện tử của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

2.9. Có 10 văn bản do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và 03 văn bản do Sở LĐTĐBXH tỉnh Lai Châu ban hành chấp thuận sử dụng NLĐNN không xác định ngày dự kiến NLĐNN bắt đầu làm việc theo quy định tại Mẫu số 03/PLI ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ (*Phụ lục số 03*).

2.10. Hồ sơ xác nhận NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ đối với lao động THOMAS HUY DANG (số hộ chiếu 673710501, hình thức làm việc: tình nguyện viên, vị trí công việc: tình nguyện viên, thời hạn từ 01/8/2023 đến ngày 30/6/2024) không có giấy tờ chứng minh làm việc tại Việt Nam theo hình thức tự nguyện và không hưởng lương để thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ.

2.11. Phiếu lý lịch tư pháp được cấp quá 06 tháng kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ nhưng Sở vẫn tiếp nhận và cấp GPLĐ cho người lao động DAI GUANG YOU, số hộ chiếu EC7849327, quốc tịch: Trung Quốc (Công văn số 60/CV-TPLC ngày 20/12/2022 về việc đề nghị cấp GPLĐ, Phiếu lý lịch tư pháp được cấp ngày 24/12/2021) là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ.

2.12. Có 05 GPLĐ có chức danh công việc ghi tại GPLĐ không đúng với chức danh công việc được chấp thuận theo quy định tại Mẫu số 03/PLI ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ (*Phụ lục số 05*).

2.13. Có 20 hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ gửi đến Sở chưa đảm bảo trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày NLĐNN dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ (*Phụ lục số 06*).

2.14. Chưa quản lý và theo dõi đầy đủ các trường hợp GPLĐ hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ.

2.15. Sở không tiến hành thanh tra việc chấp hành pháp luật đối với lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam theo quy định tại khoản 6 Điều 30 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ và lĩnh vực BHTN theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG: không.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với UBND tỉnh Lai Châu

1.1. Chỉ đạo Sở khắc phục các thiếu sót nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

1.2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực việc làm, BHTN, quản lý NLĐNN làm việc tại Việt Nam tại địa phương.

1.3. Chỉ đạo Sở chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trên địa bàn tỉnh tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sử dụng, quản lý NLĐNN làm việc tại Việt Nam; thanh tra việc chấp hành pháp luật về BHTN thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Đối với Giám đốc Sở

2.1. Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm khắc phục thiếu sót nêu tại điểm 2.2, 2.3, 2.4 và 2.5 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này khi có phát sinh.

2.2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thu hồi dứt điểm số tiền 2.162.160 đồng của ông Lê Đức Ngọc, số sổ BHXH: 1213002633 hưởng TCTN sai quy định nêu tại điểm 2.6 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

2.3. Khắc phục thiếu sót nêu tại điểm 2.1, 2.7, 2.8, 2.9, 2.10, 2.11, 2.12, 2.13, 2.14, và 2.15 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này khi phát sinh.

2.4. Kiểm điểm trách nhiệm đối với các cá nhân, tập thể đã để xảy ra sai sót nêu tại điểm 2.7, 2.10 và 2.11 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

2.5. Tăng cường công tác thanh tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực NLĐNN làm việc tại Việt Nam, lĩnh vực BHTN thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở.

2.6. Công khai kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của Sở ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

VI. KIẾN NGHỊ NHỮNG HẠN CHẾ, BẤT CẬP CỦA PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN: không.

VII. THỜI HẠN THỰC HIỆN

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ký kết luận này, yêu cầu Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh Lai Châu tổ chức khắc phục xong vi phạm và báo cáo (bằng văn

bản) kết quả thực hiện kiến nghị nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này, kết quả kiểm điểm tập thể, cá nhân gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, hồ sơ có liên quan đến việc khắc phục vi phạm về Thanh tra Bộ LĐTBXH (địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội)/.

Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH tỉnh Lai Châu (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- UBND tỉnh Lai Châu (để c/đ thực hiện);
- Cục Việc làm (để p/h);
- Công TTĐT Bộ;
- Trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Anh Tuấn

